

Bản tin chứng khoán

Trong số này

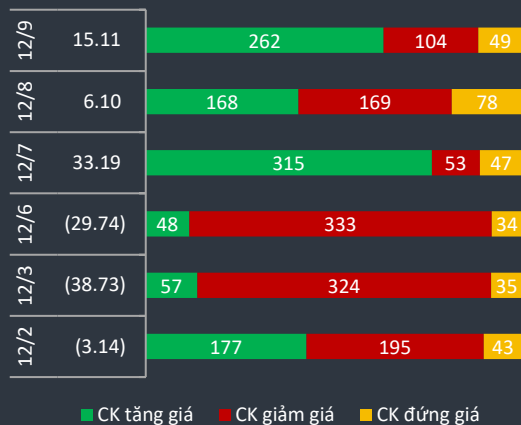
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

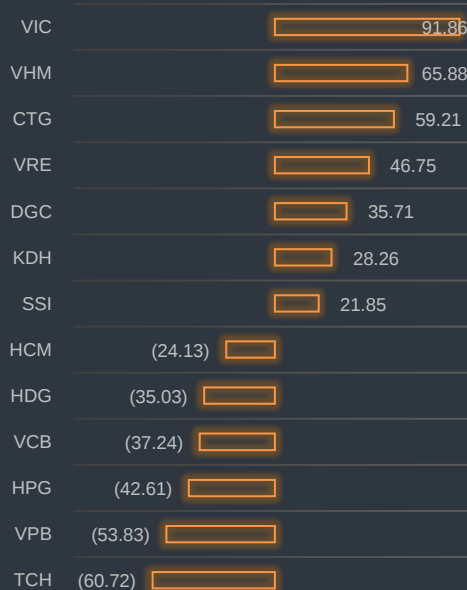
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường hôm nay giảm co phiên sáng nhưng tăng tốc khá nhanh vào phiên chiều đặc biệt là đà bức tốc trong khoảng 30 phút giao dịch cuối ngày giúp chỉ số Vnindex vượt trên 15 điểm. Thanh khoản phiên hôm nay vẫn rất thấp – chưa đến 20 ngàn tỷ trên sàn HOSE, nghĩa là giảm 1/3 so với giai đoạn cao điểm lúc trước. Nhưng thanh khoản thấp rất tốt, vì đơn giản nhiều nhà đầu tư vẫn còn kẹt hàng giá cao và một số khác đứng ngoài quan sát. Một yếu tố có lợi khác là thanh khoản thấp do áp lực bán không nhiều. Nếu giá tiếp tục lên thì sớm muộn cũng sẽ lôi kéo dòng tiền vào mạnh hơn trong các phiên tới.

Mức tăng mạnh gần cuối phiên có sự đóng góp từ nhiều trụ lớn như VIC và VCB. Và cả nhiều blue chip trước đó như MSN, VHM, VNM... Khi thị trường tăng nhóm chứng khoán lại sôi động trở lại. SSI, HCM, VND, VCI giao dịch cực tốt và tăng trên 3%. Nhóm chứng khoán cũng là nhóm ngành tăng tốt nhất hôm nay. với hầu hết các mã đều tăng điểm.

Cổ phiếu ngân hàng có trên 20 mã xanh điểm trong đó CTG dẫn đầu tăng 2.2%. Các cổ phiếu lớn như VIB, HDB, STB, OCB, ACB, TCB tăng trung bình quanh 1%. Nhìn chung hoạt động nhóm ngân hàng trong ngày khá yên ắng mà dòng tiền hướng vào nhóm chứng khoán và bất động sản nhiều hơn.

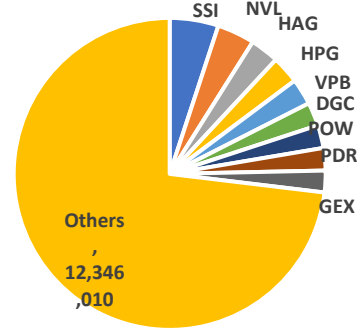
Cổ phiếu bất động sản và khu công nghiệp cũng tăng mạnh trong ngày với khá nhiều cổ phiếu hút tiền lớn như DXG, KDH, TIG, BCM, PHR. Cổ phiếu phân bón cũng hồi phục nhẹ ở nhóm trụ DPM, DCM, LAS. Chỉ có nhóm thép vẫn khá yếu và phân hóa mạnh. Các cổ phiếu lớn HPG, HSG vẫn không thể bức phá nổi và chỉ xoay quanh tham chiếu.

Khối ngoại trong mua ròng 349 tỷ đồng, tương đương khối lượng 7,2 triệu đơn vị. Tâm điểm thu hút dòng tiền thuộc về nhóm bất động sản, theo sau bởi các cổ phiếu dịch vụ tài chính. Nhóm Vingroup được mua ròng nhiều nhất hôm nay với hai vị trí dẫn đầu VIC và VHM tổng cộng hơn 150 tỷ đồng. CTG, VRE, DGC, KDH cũng được mua ròng khá tốt hơn 30 tỷ mỗi mã. Một số cổ phiếu bán ròng khá mạnh trong ngày có TCH, VPB, HPG, VCB, HDG.

Vnindex 1,467.98
▲ +15.11 (+1.04%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BCM	53.6	3,500	6.99
SSI	53.8	2,000	3.86
PNJ	98.5	2,500	2.60
POW	15.5	350	2.32
CTG	33.8	750	2.27
DHG	126.4	2,400	1.94
MSN	154.0	2,900	1.92
VJC	123.5	2,100	1.73
VIB	42.5	700	1.67
HDB	30.8	450	1.49
FPT	97.0	1,400	1.46
VRE	30.5	350	1.16
VNM	87.0	1,000	1.16
VIC	107.0	1,100	1.04
NVL	115.0	1,100	0.97
GVR	37.4	350	0.95
STB	28.9	250	0.87
TCB	50.4	400	0.80
VHM	81.6	600	0.74
ACB	33.3	200	0.60
PLX	54.1	300	0.56
MBB	28.6	150	0.53
GAS	98.7	500	0.51
VCB	99.2	500	0.51
REE	67.5	300	0.45
PDR	98.8	200	0.20
TPB	51.2	100	0.20
BVH	57.8	100	0.17
MWG	134.0	100	0.07
BID	44.0	-	-
HPG	47.1	(100)	(0.21)
HVN	22.9	(50)	(0.22)
SAB	152.5	(400)	(0.26)
VPB	35.6	(150)	(0.42)



Vnindex đã có 3 phiên tăng điểm liên tiếp và hồi phục gần 55 điểm về gần vùng giá 1470. Thanh khoản vẫn còn thấp do nhiều nhà đầu tư vẫn còn kẹt hàng giá cao và bên mua cũng chưa mạnh dạn vào hàng. Thị trường sẽ chịu áp lực ở phiên cuối tuần và cả ở tuần sau khi giá tiến vào vùng trên 1470. Đây là thời điểm thuận lợi để nhà đầu tư cơ cấu lại danh mục và nắm giữ cổ phiếu ở mức vừa phải. Các nhóm cổ phiếu ưu tiên nắm giữ hiện tại: OCB, STK, FRT, DCM, DPM, SSI, VCI, GVR.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	50.4	(2.5)	50	75	Mua thêm quanh 48-50	11/24/2021	-8.4%
DPM	49.0	(1.5)	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	4.3%
DCM	37.2	(5.0)	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	3.3%
HSG	35.5	(10.0)	35	50	Mua thêm quanh 35-36.	11/23/2021	-1.4%
PET	31.2	1.3	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	11.4%
LCG	23.2	6.9	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	65.7%
DPR	78.5	(4.3)	57	95	Mua vào quanh 76-78, nắm giữ	9/21/2021	17.2%
GVR	37.4	(3.4)	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	27.2%
HCM	44.5	(5.6)	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	30.9%
VCI	76.0	(2.8)	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	55.1%
SSI	53.8	(0.4)	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	63.0%
MBB	28.6	(1.9)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-1.4%
OCB	27.4	(4.0)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 24-25	7/12/2021	19.1%
HPG	47.1	(3.1)	44	65	Nắm giữ, mua thêm quanh 45-47	7/12/2021	4.7%
DGW	130.4	1.9	120	150	Nắm giữ. Mục tiêu 150	3/3/2021	160.8%
REE	73.0	(2.2)	50	80	Chốt lãi	7/12/2021	43.1%
IDC	87.0	16.9	45	85	Chốt lãi	9/21/2021	74.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

LCG	6.19
CIG	6.61
KPF	6.73
DQC	6.82
NT2	6.90
FCN	6.92
TCH	6.95
HAX	6.98
HNG	6.98
CTD	6.99
FRT	7.00
TIE	12.90

Top tăng giá HNX

SD5	4.88
NRC	4.89
HHG	5.33
VIX	5.67
KVC	6.76
VHE	6.84
API	7.24
APS	7.63
TIG	8.43
ST4	8.60
OCH	9.38
PVB	9.47
VMC	9.63
DTD	10.00

NVL - CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va – Novaland – Đã thông qua việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp hơn 2.149 tỷ đồng tại Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Unity, tương ứng chiếm tỷ lệ sở hữu 99,97%/vốn của công ty nhận chuyển nhượng.

MCG - CTCP Năng lượng và Bất động sản MCG – Đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 1,35 triệu cổ phần sở hữu tại CTCP Bất động sản Mecos với giá 10.000 đồng/cổ phần.

TGG - CTCP Louis Capital – Đã thông qua việc bán 4,85 triệu cổ phiếu tại CTCP DAP – Vinachem (DDV). Dự kiến giao dịch thành công, TGG sẽ giảm sở hữu tại DDV xuống còn 2,5 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1,71%. Liên quan đến TGG, ngày 8/12, HĐQT của Công ty đã có nghị quyết thông qua việc mua 1,3 triệu cổ phiếu tại CTCP Dược Lâm Đồng – Ladophar.

DSN - CTCP Công viên nước Đầm Sen - Ngày 8/12, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 29/12/2021 và thanh toán bắt đầu từ 26/1/2022.

KHG - CTCP Bất động sản Khải Hoàn Land - Đã thông qua phương án phát hành 300 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, lãi suất cố định, đảm bảo bằng tài sản, trong đó có 40 triệu cổ phiếu KHG.

VIG - CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – Đã thông qua việc điều chỉnh tăng mức phát hành riêng lẻ từ 66 triệu cổ phiếu lên 115 triệu cổ phiếu, với giá tối thiểu 10.000 đồng/cổ phiếu.

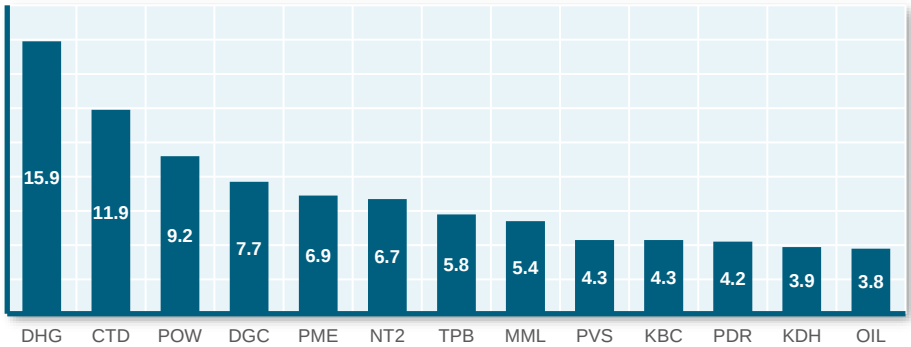
TFC - CTCP Trang - Ngày 13/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền trả cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 14/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 27/12/2021.

IDC - Tổng công ty IDICO – CTCP - Công ty thông qua kế hoạch thoái vốn toàn bộ vốn tại 4 đơn vị bao gồm: Thoái vốn tại CTCP Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO giảm sở hữu từ 20,13% về còn 0% vốn điều lệ, tương ứng bán ra 1.106.891 cổ phiếu. Thoái vốn tại CTCP Đầu tư Đồng Thuận để giảm sở hữu từ 4,57% về 0% vốn điều lệ, tương ứng bán ra 1.395.000 cổ phiếu.

Thoái vốn tại Trường Đại học Công nghệ Vinh để giảm sở hữu từ 7,17% về 0% vốn điều lệ, tương ứng bán ra 1 triệu cổ phiếu. Và thoái vốn tại CTCP Đầu tư Xây dựng đô thị Việt Nam để giảm sở hữu từ 8,19% về 0% vốn điều lệ, tương ứng bán ra 311.940 cổ phiếu.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	35.6	12,963,000	7.0	1.5	-	1,514,100	158,259	17.98	5,056	24,447
VIB	HOSE	42.5	1,473,500	7.5	3.1	-	53,800	66,009	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	99.2	805,400	17.9	3.5	130,100	509,900	367,921	23.64	5,532	28,293
VBB	HNX	17.9	48,800	21.6	1.5	-	17,900	8,551	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.5	523,307	14.6	1.3	-	-	7,787	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	51.2	2,544,400	11.2	2.7	25,500	91,400	59,990	29.45	4,565	18,925
TCB	HOSE	50.4	5,203,500	10.9	2.1	350,600	350,600	176,950	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	28.9	11,915,400	15.0	1.7	723,600	475,000	54,388	17.42	1,922	16,846
SSB	HOSE	39.6	1,905,600	23.0	3.2	1,100	-	58,548	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	23.0	8,167,400	10.5	1.6	5,200	7,400	48,843	3.27	2,183	14,014
SGB	HNX	18.1	106,200		1.5	-	-	5,575	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	36.4	171,642	49.3	2.7	-	-	10,920	15.00	739	13,529
OCB	HNX	27.4	1,865,100	7.2	1.5	40,600	40,100	37,466	21.97	3,799	17,827
NVB	HOSE	28.8	167,600	140.5	2.7	-	-	11,716	8.33	205	10,726
NAB	HOSE	20.2	166,815	6.0	1.2	200	-	9,220	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	25.0	4,608,800	7.6	1.4	100	-	38,111	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.6	4,588,800	7.3	1.4	117,200	-	107,871	23.23	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.2	3,734,900	8.2	1.5	3,800	47,500	25,516	3.97	2,591	14,466
KLB	HOSE	24.0	105,225	11.8	1.7	-	-	8,676	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	30.8	3,420,900	8.0	1.8	280,200	107,700	61,260	17.04	3,854	17,399
EIB	HOSE	27.1	495,400	31.0	1.9	-	1,400	33,318	29.63	874	14,061
CTG	HOSE	33.8	5,943,400	7.7	1.4	1,790,600	19,600	162,194	25.28	4,394	25,028
BVB	HOSE	22.9	1,337,308	19.8	1.8	200	-	8,406	0.07	1,157	12,737
BID	HOSE	44.0	979,700	17.5	2.1	71,200	16,400	176,969	16.70	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.8	31,764	24.0	1.9	400	-	17,171	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.3	2,156,000	7.2	2.2	200,000	200,000	89,975	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.2	877,812	7.6	1.3	-	-	12,112	30.00	2,801	16,671
			76,307,673	19.23	1.94	3,740,600	3,452,800	1,823,721		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	ACL	HOSE	23/12/2021	24/12/2021	5/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CMD	UPCoM	23/12/2021	24/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PHN	HNX	23/12/2021	24/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GMX	HNX	17/12/2021	20/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NTC	UPCoM	16/12/2021	17/12/2021	17/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 8,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TRC	HOSE	15/12/2021	16/12/2021	14/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	KHP	HOSE	14/12/2021	15/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	VSI	HOSE	14/12/2021	15/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	BCM	HOSE	10/12/2021	13/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	SHI	HOSE	10/12/2021	13/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
11	CAV	HOSE	10/12/2021	13/12/2021	23/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	PNJ	HOSE	9/12/2021	10/12/2021	11/1/2022	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	MSH	HOSE	9/12/2021	10/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 4,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	RCL	HNX	9/12/2021	10/12/2021	27/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	HT1	HOSE	9/12/2021	10/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	SJE	HNX	9/12/2021	10/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NQT	UPCoM	9/12/2021	10/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	MST	HNX	9/12/2021	10/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	MST	HNX	9/12/2021	10/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	TA9	HNX	9/12/2021	10/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	QPH	UPCoM	8/12/2021	9/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	CHS	UPCoM	8/12/2021	9/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 650 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	CHS	UPCoM	8/12/2021	9/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	IST	UPCoM	8/12/2021	9/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	ASP	HOSE	8/12/2021	9/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	VNL	HOSE	7/12/2021	8/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	RTB	UPCoM	7/12/2021	8/12/2021	20/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	SIP	UPCoM	7/12/2021	8/12/2021	17/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931